

TIẾP BIẾN DÂN GIAN TRONG TRUYỆN VIẾT CHO THIẾU NHI SAU NĂM 1986

BÙI THANH TRUYỀN*

TÓM TẮT

Bài viết đưa ra những nhận xét bước đầu về những ảnh hưởng của văn học dân gian trong mảng truyện ngắn, truyện dài và tiểu thuyết của văn học thiếu nhi Việt Nam gần ba thập kỉ qua trên các phương diện: quan niệm nghệ thuật về con người, thể loại và ngôn từ nghệ thuật. Điều này cho thấy nỗ lực tiếp biến thành tựu của văn học quá khứ, xác tín mối quan hệ hai chiều giữa văn học và hiện thực, giữa truyền thống và hiện đại trong sáng tác cho trẻ thơ hôm nay.

Từ khóa: tiếp biến, truyện, thiếu nhi, quan niệm nghệ thuật, thể loại, ngôn từ.

ABSTRACT

The effects of folk literature in stories written for children after 1986

In this paper, we propose preliminary analysis concerning the influence of folk literature on literary works written for children including short and long stories, and fictions by authors nation-wide for 3 decades following aspects such as the artistic perspective about human beings, genre and language. We contend that the folk literature has continually played a salient role in the literature process and affected the modern works in numerous ways. In an effort to incorporate the traditional values in literary works, the authors have bridged the gap between the contemporary and the past and also reaffirmed the relation between literature and real life.

Keywords: effect, story, children, the artistic perspective about human beings, genre, language.

Từ sau Đại hội Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ VI (1986), bước ngoặt chuyển mình của lịch sử – xã hội đã cung cấp cho văn học thiếu nhi một mặt bằng chuyển biến nghệ thuật nhất định, thể hiện rõ đặc trưng của văn học Đổi mới. Những nỗ lực đưa văn học đến với tuổi thơ, trở thành món ăn tinh thần không thể thiếu của các em trước sự “lấn sân” của văn hóa nghe – nhìn đã thể hiện rất rõ lương tâm và trách nhiệm của người viết. Trong rất nhiều cố gắng cách tân văn

học, một con đường có vẻ “ngược hướng” nhưng xem ra rất thuận chiều trong lĩnh vực sáng tác cho trẻ em lại được nhiều nhà văn lựa chọn: khai thác, làm mới những chất liệu dân gian trên cơ sở tôn trọng tối đa tâm lí, thị hiếu của người đọc nhỏ tuổi cũng như quy luật vận động nội tại của cuộc sống mới. Với khuôn khổ bài viết, chúng tôi không có tham vọng nhận diện tất cả những ảnh hưởng phong phú, đa dạng của văn học dân gian trong văn học thiếu nhi gần ba

* TS, Trường Đại học Sư phạm TPHCM; Email: truyen_bui2000@yahoo.com

thập kỉ qua, mà chỉ đưa ra những nhận xét bước đầu về hiện tượng này trong mảng truyện ngắn, truyện dài và tiểu thuyết trên các phương diện chính: quan niệm nghệ thuật về con người, thể loại và ngôn từ nghệ thuật.

1. Tiếp biến trong quan niệm nghệ thuật về con người

Sự triển diễn đa dạng của văn học nói chung, thơ văn cho bạn đọc nhỏ tuổi nói riêng, trước hết thể hiện trong quan niệm nghệ thuật về con người [1, tr.41]. Thời Đổi mới, hiện thực mà văn xuôi cho thiếu nhi đang cố gắng nắm bắt đã thay đổi một cách căn bản: từ chất liệu anh hùng ca chuyển sang chất liệu đời thường. Bên cạnh bức tranh đời sống trình hiện với trăm ngàn dáng vẻ thì con người với số phận riêng và trong mối quan hệ cũng hết sức phong phú và phức tạp của nó đối với toàn xã hội đã trở thành mối quan tâm hàng đầu của sáng tác. Cái khó của người viết là làm sao tái hiện sinh động chân ảnh cuộc sống theo như cách nhìn, cách cảm của trẻ thơ nhưng vẫn không thất cước với truyền thống, vênh lệch với tầm đón nhận của các em. Trong *Bông sen vàng*, thành công dễ nhận thấy của Sơn Tùng khi xây dựng nhân vật cậu bé Côn – hình tượng trung tâm của tiểu thuyết - là đã làm mới một quan niệm đã trở thành điển phạm: nhân cách, tương lai con người được hình thành từ một nền tảng vững vàng. Nền tảng ấy chính là gia đình, dòng tộc và môi trường văn hóa – lịch sử in hằn dấu ấn thời đại. Một thiên bẩm không phải ở một thế giới xa xôi huyền bí nào mà từ

trong nòi giống của các bậc hiền tài ấy tạo thành. Rồi sớm được nuôi dưỡng, dạy dỗ, lớn lên có chí học, chí hành mới thành vĩ nhân được. Nguyễn Sinh Côn là minh chứng sinh động cho quan niệm này. Cậu bé ấy được sinh ra và nuôi dưỡng trong một gia đình mà bà và mẹ là những “bảo tàng sống” về văn học truyền khẩu. Chỉ với một vài câu tục ngữ quen thuộc nhưng đắt giá, nhà văn đã làm bật lên nét đẹp của gia phong và tấm lòng người mẹ. Đó là một người phụ nữ “thảo hiền, thương người như thể thương thân. Có một miếng ăn ngon, bà cũng bót ra chia sót với bà con láng giềng. Ai dứt bữa, ai tối lửa tắt đèn, bà chìa tay giúp đỡ trong tình lá lành đùm lá rách”, luôn lấy câu “giấy rách giữ lấy lề” để khuyên dạy con mình. Chính gia đình, trong đó có vai trò quan trọng của người mẹ, là khởi thủy tạo nên tính cách của con người, đã khắc tạc vào tuổi ấu nhi những nguyên tắc đầu tiên của cuộc đời. Huyết thống thanh cao và cả dấu ấn dân tộc hào hùng đã hợp thành dưỡng chất nuôi lớn nhân cách của Bác ngay từ thuở còn thơ. Đây cũng chính là một chủ ý của các tác giả nhằm tô đậm quan niệm rất mới mẻ nhưng cũng rất cổ xưa của văn hóa, văn học dân tộc: vĩ nhân, bên cạnh những điều phi thường, cũng chính là một con người bằng xương bằng thịt, được kết tinh từ nguồn cội gia đình, tình làng nghĩa xóm, sức mạnh cộng đồng và thời đại.

Nghệ thuật xây dựng nhân vật trong truyện cho trẻ thơ của Ma Văn Kháng cũng thay đổi theo từng giai đoạn sáng tác tương ứng với những ba động lớn của

thời đại suốt một phần tư thế kỉ qua. Với tác giả, con người, trong đó có trẻ em - là một luận đề lớn ngày càng phải được nhận thức, chiêm nghiệm bằng chiều sâu triết học, xã hội học, văn hóa học và tâm lí học nghệ thuật. Từ các tác phẩm đầu tiên viết cho thiếu nhi (*Côi cút giữa cảnh đời, Chó Bi, đời lưu lạc, Đồng cỏ nở hoa, Kiểm - Chú bé - Con người, Quê nội, Giấc mơ của bà nội, Lít - người gác chắn can đảm, Heo may gió lộng,...*) đến những tiểu thuyết gần đây nhất như *Võ sĩ lên đài, Chuyện của Lý*, dù có sự đổi thay tự nhiên, hợp lẽ trong tư duy, lối viết, nhưng chân dung nhân vật vẫn lưu giữ một đặc điểm bất biến làm nên cái lí, chiều sâu cùng cái duyên của những trang viết cho bạn đọc nhỏ tuổi của ông. Đó chính là tư tưởng triết mĩ đậm chất truyền thống: trẻ em là tinh hoa của tạo hóa, là cái lí do sâu xa nhất của cuộc đời. Trong *Chuyện của Lý*, nhà văn tái hiện hành trình làm người của một đứa trẻ “không giá thú”. Lý là cô bé sinh ra đã chịu nhiều thiệt thòi, không được sự công nhận của chính quyền và người đời. Là “một thành viên của nhân loại năm tí con người” nhưng Lý “không phải là công dân nước Việt Nam dân chủ cộng hòa”, “không được hưởng gì hết từ khi hoài thai trong bụng mẹ” chỉ vì đứa trẻ ấy là “con ngoài giá thú”, là “con không cha”, “con hoang”. Mặc dù sống trong sự vô thừa nhận về mặt hành chính của xã hội quan phương, nhưng may mắn thay, Lý lại được cái tình người bình dị, ấp đầy nâng niu, dung dưỡng. Những lời của ông Thòn như là tuyên ngôn của nhà văn:

“Con người nói chung và con cái nói riêng là cái lí sâu xa, là cái phúc lộc của cuộc đời” vì “không có con người thì sao có cuộc đời này. Không có đứa trẻ thì làm sao có cuộc sống và tình yêu thương!”. Lý là “buổi rạng đông một ngày mới xán lạn, niềm hi vọng và tin cậy trong tương lai của chúng ta”, là mầm sống hồn nhiên, tràn đầy sinh lực, là “niềm kiêu hãnh của Con Người”, đại diện ưu tú của lớp thiếu nhi Việt Nam trưởng thành trong cuộc sống vừa phồn tạp vừa tươi đẹp của đất nước. Qua nhân vật này, thông điệp của nhà văn đã được người đọc thấu cảm tự nhiên, trọn vẹn: nhân cách, số phận mỗi trẻ em cũng chính là hệ quả tất yếu của thời đại và truyền thống gia đình, dân tộc. Cái Lý là kết tinh của tình yêu, vẻ đẹp hình thể và tâm hồn của bố mẹ. Sức sống tự nhiên tiếp nhận từ nguồn cội là sinh lực lớn để cô bé vượt qua số phận không may của mình. Mảnh đất Phong Sa nhỏ bé nhưng nhiều phong vị của những lễ hội, tập tục, không hiếm những con người chân chất nghĩa tình, thêm vào đó là những biến động của cuộc sống riêng chung cũng là những yếu tố tạo nền tảng cho sự hình thành và phát triển nhân cách tốt đẹp của Lý sau này.

Sự hiện diện của Duy, Thảm, Kiểm, Lít, Bồng, Lý, bé Thúy, cô giáo Hoa, mẹ Nhu, bà cụ Lạng, bà Phạm, ông Thòn, Chó Bi, chó Mực... trong truyện của Ma Văn Kháng không chỉ đem lại một trạng thái cân bằng vốn có của cuộc sống mà còn góp phần bồi đắp, nâng đỡ nhân cách, hướng con người trở về với những

giá trị tốt đẹp của đạo lí dân tộc. Xây dựng hệ thống nhân vật này, người viết đã truyền niềm tin cho trẻ thơ: dù cuộc đời có hỗn loạn, trần trụi đến đâu thì thì cái đẹp, cái thiện vẫn cứ tồn tại và nảy nở. Chính từ những cốt nghĩa tự nhiên mà sâu sắc nghĩa tình, thấm đẫm nhân văn ấy, những trang viết của tác giả đủ sức mê hoặc không chỉ trẻ thơ mà cả bậc ông bà, cha mẹ, thầy cô - những con người có trách nhiệm rất lớn trong việc hình thành nhân cách thế hệ trẻ. Nhờ thế, chúng đã “thoát khỏi một chế phẩm mượn văn chương để chuyển tải một ý đồ giáo huấn giản đơn, lộ liễu” để “hướng bạn đọc nhỏ tuổi đến những cảm xúc lớn lao, mới mẻ về cuộc sống, về con người” [2, tr.274]. Nếu Trần Hoài Dương tâm niệm văn chương là một thứ Đạo và viết cho thiếu nhi là chất lọc từ cuộc sống ngồn ngàng, bệ bộn những gì tinh túy nhất, trong ngần nhất thì với Ma Văn Kháng, mỗi tác phẩm phải là hành trình, là sự trải nghiệm nghiêm túc của mỗi đứa trẻ với những chân giá trị của cuộc đời này để các em có dịp làm giàu tâm hồn mình. Xuất phát từ cách nghĩ đó, khi viết truyện, nhà văn đã chủ động không che giấu mặt trái của hiện thực mà làm rõ thêm bức tranh cuộc sống với những cuộc đấu tranh được thể hiện ở nhiều bình diện, sắc thái khác nhau thông qua nhân vật chính là trẻ em - chủ thể nhưng cũng là nạn nhân của thói đời vô đạo, bất công, giúp các em tự đối diện với cuộc sống, tìm ra cái đẹp của con người, cuộc đời.

2. Tiếp biến trên phương diện thể loại

Nếu như trong thời giao lưu, hội nhập, truyện lịch sử có dấu hiệu chững lại thì cùng với mảng truyện đồng thoại, sự xuất hiện của loại truyện mang phong cách “cổ tích mới” đã phần nào khai thông thể bế tắc cho văn xuôi thiếu nhi đương đại. Những tác phẩm này mở ra cho các em nhiều mối quan hệ phong phú và sinh động với thế giới thiên nhiên xung quanh đồng thời hiểu hơn, yêu hơn truyền thống hào hùng của cha ông thuở trước. Việc tiếp cận đề tài cũ giờ đây đã có những chuyển biến tích cực, đặc biệt là quan niệm không thần thánh hóa nhân vật mà nhìn nhận họ như là con người đời thường, thế tục.

Cổ tích là người bạn thân quý của trẻ em ngay từ lúc còn ở trường mầm non. Nắm bắt được tầm đón nhận của người đọc, nhiều tác giả đã tiếp tục khơi lại và làm mới thể loại chủ lực của văn học dân gian này bằng sự kết hợp khéo léo giữa hai mặt truyền thống và hiện đại, xưa và nay trong rất nhiều sáng tác. Nhiều vấn đề trong truyện cổ (đổi nhân xử thế, trách nhiệm công dân, thiện – ác, hạnh phúc trần thế...) đã được xem xét lại trên quan điểm của người hiện đại. Sự khác biệt giữa nó với cổ tích nguyên bản hiển thị trên các phương diện: tâm lí nhân vật (hồi tưởng, kí ức...), trữ tình ngoại đề (triết lí, miêu tả cảnh vật...), hoặc cho nhân vật hành động khác với truyện cũ để câu chuyện trở nên gắn với yêu cầu thời đại. Cốt truyện phần lớn cũng không được dàn dựng thành quá khứ huyền thoại mà vẫn lấy từ không gian và thời gian “thế tục”, nghĩa là mang tính lịch sử,

đời thường, có ý nghĩa phổ quát lớn. [3]

Đội ngũ viết truyện cổ tích mới cho thiếu nhi hiện nay khá lớn: Phạm Hồ (*Ngựa thần từ đâu đến*), Thy Ngọc (*Đôi cánh của ngựa trắng*), Hoàng Văn Bồn (*Ngày xưa ngày xưa*), Hoài Anh (*Rồng đá chuyển mình*), Trúc Chi (*Cổ tích trong tủ đồ chơi*), Hà Lâm Kỳ (*Con trai Bà Chúa Nà*), Mã A Lệnh (*Thằng bé Củ Mài, Nàng Gùa và chàng Sóc, Chuyện xưa ở Mường Tiên*), Kiều Thị Kim Loan (*Viên ngọc thần kì*), Văn Lợi (*Hoàng tử chọn hiền tài*), Phùng Khánh (*Sự tích chim cuốc*), Vũ Tú Nam (*Cái ấm vàng, Chú thỏ tinh khôn*), Duy Phi (*Chúa rừng và bầy săn*), Cao Linh Quân (*Cổ tích mới*), Hoàng Mai Quyên (*Gương thần*), Nguyễn Quang Thân (*Anh em thủy thần*), Vũ Duy Thông (*Thỏ rừng hóa hổ*), Trần Đức Tiến (*Ốc mượn hồn*), Trần Hoài Dương (*Nàng công chúa biển*)... Với sự xuất hiện của những sáng tác này, người đọc đang thấy sự hình thành những “cổ tích hiện đại”. Theo thời gian, có thể một số truyện sẽ nhập vào kho tàng chung của cổ tích Việt Nam.

Trong *Ngựa thần từ đâu đến*, Phạm Hồ tưởng tượng, bổ sung thêm câu chuyện Thánh Gióng mà mọi người đều biết. Có được con ngựa khổng lồ tương xứng với tầm vóc của Thánh Gióng là do máu, do công sức, do của cải của đồng đảo nhân dân góp nên. Quan niệm chính trị tiến bộ, rất thời đại đó được tác giả sắp đặt rất công phu dựa trên nhiều chi tiết li kì nhưng hoàn toàn không có tính khép khiẽng, phi lí. Chất hiện thực được lồng trong ánh sáng của tấm màn huyền thoại

khiến cho câu chuyện đầy ắp ý tưởng, hình ảnh thơ. Sự cẩn thận, tâm huyết và tài năng của người viết đã mang lại cho trẻ em những bài học giáo dục nhẹ nhàng mà sâu sắc, thú vị.

Khai thác triệt để thế mạnh của thi pháp cổ tích, truyện dài *Nàng công chúa biển* cuốn hút, mê hoặc người đọc thông qua cuộc chiến đấu quyết liệt để khẳng định quyền được sống, được làm người lương thiện đúng nghĩa của một ông lão ở xóm chài ven biển trước mặt phù thủy tàn ác với những phép thuật, lời nguyền cay độc. Ngoài sức hấp dẫn đến từ một thế giới kì ảo, lạ lẫm, sự tâm đắc và say mê của trẻ thơ với câu chuyện còn do một nguyên nhân khác, sâu xa, nhân bản hơn: sự trăn trở, tự vấn của con người trước cuộc đấu tranh cam go giữa cái thiện và cái ác tồn tại dai dẳng như một phần tất yếu của cuộc sống.

Những năm 60, 70 của thế kỉ trước chính là thời hoàng kim của văn học thiếu nhi Việt Nam. Nhưng giờ đây, sau gần nửa thế kỉ nhìn lại, vẫn thấy một số truyện còn nhiều hạn chế do yêu cầu thời đại. Dễ thấy nhất là tình trạng quá nệ vào cái thật thành ra hạn chế tầm bay của sức tưởng tượng – một tố chất rất phù hợp, rất cần thiết cho trẻ em mọi thời đại, bên cạnh đó là những bài học giáo dục có phần gượng ép, khô cứng. Truyện cổ tích mới như là một cố gắng lớn của người viết để khắc phục hạn chế đó. Sức hút của loại truyện này là ở chất ảo, chất tưởng tượng của nó. Sự tìm kiếm những cách viết mới trên cơ sở các cốt truyện và chi tiết tâm lí, chất hóm hỉnh và thông

minh, sức tưởng tượng... bao giờ cũng là nhân tố được coi trọng trong sáng tác cho thiếu nhi. Nhờ vậy, nó kích thích ở các em khả năng đồng hóa thế giới của tưởng tượng, của mơ ước vào thế giới thực. Đây là một trong những nhân tố quan trọng để người viết kéo dài được cuộc đối thoại lí thú và đầy bổ ích đối với trẻ thơ.

Chất cổ tích cũng trở thành kiểu thi pháp đặc trưng trong nhiều truyện dài, tiểu thuyết cho trẻ em những năm gần đây (*Bí mật hồ cá thần* – Nguyễn Quang Thiều, *Một thiên nằm mộng, Giăng giăng tơ nhện, Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ* – Nguyễn Ngọc Thuần, *Côi cút giữa cánh đời* – Ma Văn Kháng, *Ngôi khóc trên cây, Chúc một ngày tốt lành* – Nguyễn Nhật Ánh...). Xuất phát điểm của *Bí mật hồ cá thần* là một chi tiết trong huyền thoại có sức mê dụ, ám ảnh không dứt tâm trí những đứa trẻ hiếu kì: con cá thần sống lâu năm trong đầm Mực của làng. Từ thế giới huyền thoại, người viết đã dẫn ta đi vào chuyện của đời thực. Câu chuyện đi tìm bí mật cá thần lại thành ra chuyện giải nỗi oan cho người đời. Nguyễn Quang Thiều đã tạo được sự gắn nối, mở rộng không gian thực và không gian huyền thoại thông qua nhân vật trung tâm là con cá thần nửa thực nửa hư. Cùng với hành trình đi tìm lời đáp cho cả hai “bí mật” chìm khuất dưới lớp bụi thời gian ấy, những giới hạn sống bổng chốc được mở ra trong thế giới trẻ con và qua cách nhìn minh triết của thiên lương con trẻ: “Bố tôi nghĩ đến con cá là nghĩ đến mối thù hận và nghĩ đến một viên ngọc nào đấy trong bụng cá, mà nhờ nó có thể

thay đổi cuộc sống nghèo khó của gia đình tôi. Ông Bương nghĩ đến con cá là nghĩ đến một bữa rượu túy lúy với lòng cá. Những người khác nghĩ đến con cá như là một con quỷ mang theo những điều dữ. Còn chúng tôi, lũ trẻ xóm trại mỗi lần nghe nói đến con cá là trong kí ức non tơ của chúng tôi hiện lên một đêm trăng với cột nước rục rờ kì ảo khi con cá lướt trên mặt đầm cùng với sự bí mật đầy thôn thức của ngôi chùa và vị sư già dưới đáy đầm nước”. Lời nguyện cầu thành kính của lũ trẻ bên ngôi mộ ông Bộc rục vàng hoa cúc ở cuối truyện một lần nữa khẳng định chủ đề tư tưởng của tác phẩm: con người đích thực luôn thường trực khát vọng hướng tới điều thiện, và điều thiện ở đây là nhu cầu giải tỏa những bất công, những oan khiên trong cuộc đời.

Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ là một trong những cuốn sách tiêu biểu trong văn phong đậm màu cổ tích thơ trẻ của văn xuôi thiếu nhi đầu thế kỉ XXI. Ở đây, chú bé Dũng - nhân vật trung tâm của tác phẩm - đứng trên mảnh đất của hiện thực nhưng luôn thả mình trong tư duy huyền thoại. Cậu bé luôn hướng đến mọi hiện tượng với cái nhìn bí ẩn, thần kì. Nhà thờ trong mắt Dũng cũng là một lâu đài bỏ hoang trong truyện cổ tích. Dầu mọi góc ngách bên trong nhà thờ này Dũng đều biết cả nhưng em vẫn thấy có những điều bí ẩn mà mình phải khám phá. Một bông hoa mới xuất hiện trong khu vườn cũng gây cho nhân vật cảm giác “ai đó đã ghé khu vườn lúc tôi đang ngủ. Họ chờ mãi không được đành

gieo mầm hoa xuống đất rồi bỏ đi mà không kịp gởi gắm hãy chăm sóc giùm tôi, hãy tưới nước ngày ba lần”. Câu chuyện vì thế mà luôn tồn tại ý niệm về những yếu tố thần kì như: con mắt thần, con chim thần, con rắn hai đầu... Do sự chi phối của tư duy huyền thoại ấy mà thiên truyện đã xuất hiện không gian của những giấc mơ: “Tôi cũng hay tưởng tượng mình sẽ mọc cánh, những cái cánh dài vừa vịn với thân thể tôi. Một buổi chiều đầy gió tôi bay về phía cuối bầu trời. Nơi đó có những đám mây mang gương mặt của bé Thương... Hàng đêm đôi cánh vẫn mọc dài và ngúc ngoắc. Trong những giấc mơ lơ đãng, tôi cũng có một đôi cánh khác. Đó là đôi cánh mềm và trong suốt đưa tôi đi”. Với nhân vật, giấc mơ ấy là không gian thuận lợi để thực hiện những ước mơ tuổi thơ - ước mơ được bay đến những miền xa khác ngoài khu vườn và cả ước mơ gặp lại những gương mặt thân yêu đã mất. Chính vì thế, nhân vật “tôi” luôn “tưởng tượng mình là một cái ông gì đó trong câu chuyện cổ của mẹ, lên động tiên chỉ nhờ giấc mơ”. Mỗi chương trong câu chuyện vừa là một truyện ngắn tặng bạn đọc trẻ thơ, lại vừa là một truyện ngắn dành cho người lớn. Bên cạnh tính chất đa nghĩa, giàu chất thơ, độ bền trong sức hút thẩm mỹ của tác phẩm cũng chính là kết quả từ cái nhìn độc đáo: *vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ* để đón nhận tất cả những âm sắc cuộc đời đồng thời lắng nghe những rung động rất khẽ từ chính con tim mình. Và điều đó, như tác giả bày tỏ, “có thể đưa chúng ta đi đến một nơi mà trong tận tâm

hồn của chúng ta chờ đợi”.

Thời gian gần đây, phương pháp sáng tác giả tưởng, kì ảo đã được các nhà xuất bản, các tổ chức, đơn vị liên quan đến lĩnh vực chăm sóc, giáo dục thiếu nhi chú trọng, trong đó tích cực nhất là Nhà xuất bản Kim Đồng với hai cuộc vận động sáng tác “Một ngày kì lạ” (2007 – 2008) và “Bước qua hai thế giới” (2008 – 2009). Với sự quan tâm, hỗ trợ đặc biệt này, hi vọng trong tương lai, truyện “cổ tích mới” sẽ có nhiều đột phá cả về số lượng lẫn chất lượng.

3. Tiếp biến trong ngôn từ nghệ thuật

Theo Pôxpêlôp, ngôn ngữ là một trong ba phương diện cơ bản tạo nên sự thống nhất của hình thức tác phẩm. Là hình thức mang tính quan niệm, ngôn ngữ không chỉ có giá trị tự thân, tồn tại độc lập mà nằm trong chính thể nghệ thuật, bị chi phối bởi nội dung phản ánh cũng như nhiều yếu tố khác bên ngoài văn học. Đến lượt mình, sự biến đổi của ngôn ngữ đã trở thành một biến số quan trọng để đo sự vận động, phát triển của một giai đoạn, một dòng văn học nhất định. Ngôn ngữ truyện thiếu nhi thời Đổi mới cũng không nằm ngoài quy luật đó. Chỉ có điều, do “kí ức thể loại”, sự tương đồng mang tính thẩm mỹ giữa tâm lí, nhận thức trẻ thơ với những sản phẩm giàu tính nhân văn của văn chương truyền miệng... “từ trường” văn học dân gian đã ảnh hưởng rất rõ đến chất liệu của văn học nói chung, truyện cho thiếu nhi thời Đổi mới nói riêng.

Sự gia tăng chất liệu dân gian với

hệ thống các câu tục ngữ, ca dao, dân ca, sấm truyền... như một sự “lắp ghép” (montage) nhuần nhuyễn vào cấu trúc tác phẩm là một cách tân đáng ghi nhận của sáng tác cho trẻ em những năm gần đây. Trong những tiểu thuyết như *Bông sen vàng*, *Côi cút giữa cảnh đời*, *Chó Bi, đời lưu lạc*... tần suất của những sáng tác văn học truyền miệng này khá cao và thực sự phát huy lợi điểm của nó trong thế giới nghệ thuật của tác phẩm. Có những câu tục ngữ, ca dao được sử dụng nguyên văn: “Con chó mà có móng treo - Khỏi lo ăn trộm bắt heo bắt gà”, “Ai mà nuôi chó một râu - Trời cho chủ nó sắp giàu đến nơi”, “Tháng mười chưa cười đã tối”, “Đãi cứt sáo lấy hạt đạ” (*Chó Bi, đời lưu lạc*); “Chim chích mà gheo bò nông - Đến khi nó mổ lạy ông tôi chừa”, “Bốn giờ cấp nón ra đi - Mặt chó không biết mặt gà cũng không”, “Tốt lễ thì dễ van”, “Chém tre phải dè đầu mặt”, “Dây thừng mắt lòng cây gỗ queo”... (*Côi cút giữa cảnh đời*); “Oan hồn thì hồn hiện”, “Nghe như vịt nghe sấm”, “Một miếng khi đói bằng một gói khi no”, “Mồ côi cha ăn cơm với cá, mồ côi mẹ vét lá đầu đường”, “Bao giờ bánh đúc có xương - Bao giờ mẹ ghé lại thương con chồng”, “Cha già con cộc”, “Không ai giàu ba họ, chẳng ai khó ba đời”, “Dầu thơm dầu đẹp hoa lài - Đàn bà con gái chớ cài lên khăn”, “Người hiền nuôi sói hóa nai - Người ác nuôi thỏ lại lai lợn lòi”, “Sống mỗi người một nét, chết mỗi người một bệnh”, “Đưa con vô Nội mắt con - Phò mã tốt áo chẳng còn cổ tri”... (*Bông sen vàng*). Có trường hợp được tái tạo lại,

dưới dạng lời dẫn gián tiếp – một thành phần trong ngôn ngữ đối thoại của nhân vật: “Rõ nghênh ngáo như cáo trông trăng chưa kìa!”, “Khổ, rần đồ nọc cho lươn là thế!” (*Chó Bi, đời lưu lạc*); “Lợn lành trời cho chặt”; “Ông thầy ăn một, bà cốt ăn hai, còn cái thủ, cái tai thì đem biếu chú. Để chú, khi vui nước nước non non. Khi buồn thì giở quân son bài ngà” (*Côi cút giữa cảnh đời*); “Ai đứt bữa, ai tối lửa tắt đèn, bà chia tay giúp đỡ trong tình lá lành đùm lá rách”, “Con nòi của giống, ông cha nói nỏ có sai”, “Cậu là con nhà khoa bảng, con nhà thầy, nhà quan mà đến nhà tui, phận bần hàn ni là rông đến nhà tôm”, “Anh em mình nhỏ đầu nên dễ chui, hai anh nhỏ”, “Con phải nhớ câu: “Nhịn miếng thịt khách”. Không ai lại làm cái việc: “Đãi khách nhẹ dầu tằm, mình ăn gấp nặng đũa”. Những kẻ vô tâm mới cấm đầu ăn cho no bụng mình chẳng nghĩ đến phần ai. Nhà mình tuy ít của nhưng biết có miếng ăn chia cho đều, có cái tình thì thương cho khắp. Của ăn thì hết, của cho thì còn. Con nhớ kĩ cái điều ấy”... (*Bông sen vàng*).

Chiếm số lượng ít hơn là câu đố: “Thuyền gỗ, chèo sắt, đi dất về chèo” (cái hộp mực kẻ của thợ mộc) (*Bông sen vàng*); những lời sấm truyền có tính chất dự báo, thể hiện niềm tin vào sức mạnh huyền vi: “Cua đổi càng, vàng lộ thiên” (*Chó Bi, đời lưu lạc*); những cách chơi chữ dân gian độc đáo: “Nhà khoa học tập sự mài miết trên bàn học giờ đây *trần văn cời*, quần xắn tới bẹn, suốt ngày cặm cùi với đường bào, lỗ đục” (*Chó Bi, đời lưu lạc*), “*Có sự* vì sao mà *cứ sợ* - *Dời chung*

(chân) nó được hã *dùng chơi*“, “Râu rĩ râu ri, râu ria ra rậm rạp - Rờ râu râu rụng, răng rúa rõ ra ri” (*Bông sen vàng*)... Bên cạnh các sản phẩm có gốc gác từ truyền thống là không ít câu bổ bã, bụi bặm của thời mở cửa: “Dân ngu tối dạ, học giả yếu chim”, “Răng giận thì giận mà thương thì thương. Anh không lên giường thì em không ngủ được” (*Chó Bi, đời lưu lạc*); “Vào thì bầm bầm thừa thừa - Ra thì vắng tục có chừa ai đâu”, “Thôi tôi chẳng lấy ông đâu - Ông đừng cạo mặt, cạo râu tốn tiền”, “Vi quan đú đờn nên dân nó nhờn” (*Côi cút giữa cảnh đời*)... Có trường hợp nôm na dân dã, chân mộc nhưng cũng không ít lúc khởi phát từ những câu nói hàm súc, thâm thúy của người có học: “Âm thủy tư nguyên” (uống nước nhớ nguồn), “Hữu chí giả, sự cánh thành” (người có chí thì việc ắt sẽ nên) (*Bông sen vàng*), “Tiền trở hậu thành” (*Chó Bi, đời lưu lạc*)... Có câu dẫn ra để đồng tình, nhưng cũng có lúc nó là nguyên cớ cho sự đối thoại, bộc lộ chính kiến của nhân vật như lời cậu bé Côn nói với mẹ: “Mẹ ơi, cái tục lệ coi bông hoa lài như cô gái không đứng đắn, nó thế nào ấy? Lại còn gán cho những người đàn bà con gái cài hoa lài lên khăn cho thơm cũng bị coi là người hư hỏng? Sao các cụ, các thầy lại thích uống trà ướp hoa lài? Ô! Tục lệ ấy ngẫm thấy không hay mà còn dở nữa mẹ ạ” (*Bông Sen vàng*).

Ngôn ngữ miêu tả chân dung nhân vật cũng lộ rõ dấu ấn dân gian: “Da ông (Thuần) sần đỏ. Mắt ông sáng nhóng nhánh như hai ánh lửa. Ngoài chòm râu

cằm, ria mép ông mọc thêm, rậm rà một vệt đen nhánh, khiến mặt ông thêm dữ dội và phong trần. Vai năm tấc rộng, thân mười thước cao, sừng trên vai, đài Mầu Đơn bên hông, cùng da, riu, vị Tân Chúa đảo thật đáng bậc mày râu, vừa oai phong khí phách, vừa ngang tàng cao ngạo, rất xứng với thần thái câu thơ cổ: Tồi thế thượng chi phong lưu, giang hồ khí cốt” (*Chó Bi, đời lưu lạc*). Qua con mắt ngây thơ của cậu bé Côn, bản chất những kẻ cướp nước và bán nước hiện lên sinh động nhờ rất nhiều thành ngữ: “Lúc mới vô Nội lại gặp một nhóm Tây mũi lỗ mở điều hâu, mắt sâu cú mèo, tóc xoắn rau muống chẻ, râu xồm xoàm chồi xuể đi vô viện Cơ mật rất nghênh ngang. Các chú lính khố vàng bông súng gỗ sơn son chào chúng và vẻ mặt sợ hãi như bị chó dại đuổi” (*Bông sen vàng*)...

Việc vay mượn, sử dụng ngôn ngữ dân gian phần lớn đều tự nhiên, không gượng ép do đặt đúng chỗ, đúng người và thường cô đọng, hàm súc vì vậy nhiều khi chúng có ưu thế hơn hẳn so với cách nói hiện đại. Có những truyện, dung lượng lời ăn tiếng nói hằng ngày của quần chúng nhân dân rất lớn và tỏ ra có hiệu quả thực sự đối với sự phát triển của mạch truyện, sự khắc họa tính cách nhân vật, hoàn cảnh đặc thù... Ví như Ma Văn Kháng, để tạo ấn tượng cho nhân vật trung tâm - chú chó Bi có nghĩa, cực kì thông minh và chung thủy - đã phải “tựa” vào minh triết dân gian: “Quen thân đến mức hình bóng chó có cả trong văn thơ, trong các thành ngữ, tục ngữ của người nữa kia. Chó có vảy lĩnh. Chó đen

giữ mực. Đánh chó ngó chủ. Chó gây hồ mắt người nuôi. Giàu bán chó khó bán con. Mèo đến nhà thì khó, chó đến nhà thì sang...” (*Chó Bi, đời lư lạc*). Và chú cún Bê-tô của Nguyễn Nhật Ánh cũng thế: “Con chó không chê ông chủ nghèo”; “Chó sửa là chó không cần – ám chỉ hạng người chỉ nói mà không làm”; “Chó ngáp phải ruồi – thực ra không phải nói về sự may mắn mà nhằm chế giễu sự may mắn”... (*Tôi là Bê-tô*).

Trong nhiều tiểu thuyết, những đại diện ưu tú của văn học dân gian này vẫn tồn tại đặng lập bên cạnh những ngôn từ uyên thâm của Nho gia: “Quốc dĩ dân lập” (nước do dân lập nên), “Dân dĩ quốc tồn” (dân còn thì nước còn), “Cố quốc dân tất ái quốc” (dân trong một nước thì phải yêu nước); “Ngọc bất trác bất thành khí” (ngọc không mài dũa không thành của quý), “Quân chi thị thần như khuyến mã, tặc thần thị quân như khấu thù” (nếu vua coi bề tôi như chó ngựa thì bề tôi ắt phải đối với vua như giặc thù), “Háo vấn, tặc dụ, tự dụng, tặc tiểu” (ham hỏi thì sẽ biết được đủ, tự cậy là mình đã biết rồi thì thấp kém mãi), “Thập thiên thụ mộc, bách tuế dục tài” (muốn có gỗ phải mất mười năm trồng cây, muốn có nhân tài thì phải cả trăm năm nuôi dạy con người), “Hoàng thiên bất phụ hảo nhân tâm” (trời không phụ những người có lòng tốt), “Ngôn dĩ hành nan” (nói thì dễ, làm lại khó)... (*Bông sen vàng*). Chất dân gian đan xen một cách hợp lí, đúng lúc, với dung lượng vừa phải góp phần thể hiện rõ tính cách nhân vật, khẳng định căn cốt của sự hình thành nhân cách con

người phải từ cội nguồn dân tộc. Mạch truyện phát triển tự nhiên, giọng văn gần gũi bởi mang đậm bóng dáng ngôn ngữ, tâm tư tình cảm của người lao động chân chất, nghĩa tình mà cũng rất đỗi anh hoa. Cái duyên của Sơn Tùng là biết cách vận dụng, cài đặt đúng chỗ, đúng người, đúng việc nhờ vậy mạch truyện không bị cắt vụn, không sa đà rào đón dài dòng mà rất liên hoàn, thuyết phục. Nguyên nhân thành công của thủ pháp lắp ghép tài tình này là bởi người viết “luôn luôn gần người biết đi dưới ánh sáng của nhân dân” (*Bông sen vàng*). Chính vì thế, tính giáo dục được nâng lên một mức cao hơn nhưng vẫn rất dung dị, phù hợp với tâm đón nhận của người đọc.

Việc đan hòa nhuần nhuyễn giữa ngôn ngữ dân gian với ngôn ngữ hiện đại đôi khi đã tạo ra sự đối thoại cởi mở, dân chủ - một biểu hiện của tính tiểu thuyết - của văn xuôi đương đại. Trong *Chó Bi, đời lư lạc*, tiếng nói đối thoại, dẫu rằng chỉ luận bàn về chó, nhưng bật lên bao nhiêu điều thú vị, làm người đọc phải giật mình. Đây là lời ông Mệnh - một kẻ thủ đoạn, ích kỉ, đầy phản trắc: “Một mình tôi đã nuôi vài chục con (chó) để biểu các đồng chí lãnh đạo các ngành, các tỉnh”; “Tôi thì cho rằng chó ta là đại ngu. Có dạy được đâu”. Trong khi đó chú Đạt - phóng viên báo Người Lao Động, một người sống trung thực, hết lòng vì lẽ phải, vì sự oan khuất của những người vô tội thì lại hoàn toàn khác, như một đối trọng: “Tôi thì tôi lại quý con chó ta. Nó là con chó đẹp, con chó hiền, con chó thảo. Con chó đã đi vào đời sống người

mình, in dấu cả vào văn chương. Chó đâu chó sủa lỗ không. Chẳng thằng ăn trộm cũng ông ăn mày. Trở thành ẩn dụ, biểu tượng của bao kinh nghiệm nhân sinh: Chó chê nhà dột ra nằm bụi tre. Chó què đòi ăn mắm mực. Chó ngáp phải ruồi. Chó cậy gần nhà. Chó cùng cắn đậu. Chó già giữ xương. Hoặc: Làm người thì khó, làm chó thì dễ. Chó dại theo mùa, người dại quanh năm. Chó gặm xương chó!”. Rõ ràng ở đây không chỉ đơn thuần tranh biện về chó, hơn thế, nó là quan niệm, là phương châm sống của mỗi người trong buổi giao thoa cũ mới với sự xâm thực của cơ chế thị trường, sự băng hoại đạo đức con người trước thế lực đồng tiền, danh vọng... Nghĩa là, như chính bộc lộ của tác giả: “Con chó Bi là nó, nhưng cũng là ẩn dụ của số phận con người”.

Sự hiện diện lớp ngôn ngữ truyền thống đã tạo ra những thay đổi rất lớn về mặt kết cấu, cốt truyện của văn xuôi thiếu nhi hôm nay. Trong *Côi cút giữa cánh đời*, bên cạnh số lượng các câu tục ngữ, ca dao... đã nói trên đây, Ma Văn Kháng còn đưa vào không ít những truyền thuyết dân gian, những câu hát ru, những bài đồng dao của trẻ con. Ở *Bông sen vàng*, mạch truyện giãn nở, khi ra xa, lúc về gần nhờ hàng loạt những câu chuyện, những huyền tích: sự tích Chử Đồng Tử, các tích trong Tả truyện, những bài về dân gian, những câu đồng dao ngộ nghĩnh, những điệu hành vân, điệu hò mái nhì man mác... Đây cũng là nhân tố để Sơn Tùng tô đậm tính cách của cậu bé Nguyễn Sinh Côn: Một con người luôn khát khao học hỏi, ham hiểu biết, một

nhân cách lớn được bồi đắp nên bằng chính tinh hoa văn hóa truyền thống của dân tộc.

So với thơ cho thiếu nhi, truyện ngắn, truyện vừa và tiểu thuyết là những “thể loại lớn”. Nhờ ưu thế của một “tấm gương” rộng, chúng vừa có thể thu vào rất nhiều mặt của cuộc sống trẻ em hôm nay bên cạnh những câu chuyện cách xa với thời đại mà các em đang sống. Một nhãn quan mới mẻ, lối viết hiện đại và tinh thần thực sự vì trẻ thơ trong nhiều tác phẩm văn xuôi mang phong cốt dân gian đã giúp nhiều tác giả có được chỗ đứng trang trọng – dấu rằng sách văn học nói chung, tác phẩm truyện nói riêng không phải lúc nào cũng là sự lựa chọn hàng đầu của trẻ em hôm nay. Đồng hành cùng trẻ thơ trên chuyến tàu trở về với cội nguồn dân tộc, một mặt người viết đã bộc lộ rất rõ sự nâng niu, trân trọng truyền thống, mặt khác cũng cho thấy rõ bản lĩnh, tài năng và tấm lòng của nhà văn, mong muốn đem đến cho các em những “đặc sản” tinh thần quen mà lạ. Chính vì khát vọng giàu tính nhân văn ấy, những sáng tác này thể hiện một cuộc hòa giải vô tận giữa chuyện đời xưa – đời nay, giữa cảm quan người lớn và tâm hồn trẻ thơ thánh thiện.

Nếu văn học Việt Nam là một dòng sông lớn thì văn học đương đại cho thiếu nhi là một nhánh hòa vào dòng sông ấy. Là một thành tố mang tính lịch sử - xã hội, nó không thể đứng ngoài những vận động, thay đổi, tác động nhiều chiều từ thực tế cuộc sống thời Đổi mới. Nhưng nếu cho rằng do hướng đến đối tượng chủ

yếu là người đọc nhỏ tuổi, mà truyện chỉ có chú trọng tính hiện tại, hiện đại, tách biệt khỏi truyền thống văn hóa, văn học dân tộc thì lại là cách nghĩ ngây thơ, ảo tưởng. Những đặc trưng của truyện cho thiếu nhi thời gian qua trên các phương

diện quan niệm nghệ thuật về con người, thể loại và ngôn ngữ mà chúng tôi vừa nói cũng là điều tất yếu, thể hiện rõ mối quan hệ hai chiều giữa văn học và hiện thực, giữa truyền thống và hiện đại.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trần Đình Sử (1995), *Giáo trình Dẫn luận thi pháp học*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
2. Vân Thanh (sưu tầm và biên soạn) (2003), *Văn học thiếu nhi Việt Nam (nghiên cứu, lý luận, phê bình, tiểu luận, tư liệu)*, tập 2, Nxb Kim Đồng, Hà Nội.
3. Bùi Thanh Truyền (2009), *Mạch ngầm cổ tích trong dòng chảy văn học dân tộc*, Văn hóa Dân gian, 2 (122).

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 27-02-2015; ngày phản biện đánh giá: 10-4-2015;
ngày chấp nhận đăng: 13-4-2015)